



ĐỀ 101

Phần 1: Trắc nghiệm (5 điểm)

Tô vào đáp án đúng trong phiếu trả lời trắc nghiệm

Phân môn Lịch sử

Câu 1. Ý nào dưới đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của việc học lịch sử?

- A. Biết được quá trình hình thành và phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực
- B. Biết được cội nguồn của bản thân, gia đình, dòng họ và dân tộc
- C. Biết được chu kì chuyển động của các thiên thể trong vũ trụ
- D. đúc kết được những bài học kinh nghiệm của quá khứ phục vụ cho hiện tại

Câu 2. Điều kiện tự nhiên của La Mã cổ đại thuận lợi cho sự phát triển của ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Buôn bán qua đường biển
- B. Khai thác lâm sản
- C. Nông nghiệp trồng các cây gia vị như: hồ tiêu, gừng...
- D. Nông nghiệp trồng lúa nước

Câu 3. Nhà chính trị nổi tiếng La Mã cổ đại Xi-xê-rông đã nói: "Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống". Câu nói đó có ý nghĩa như thế nào?

- A. Lịch sử giúp cuộc sống con người giàu có lên nhanh chóng
- B. Lịch sử chỉ có ý nghĩa với cuộc sống con người ở quá khứ
- C. Lịch sử giúp ta đúc kết bài học kinh nghiệm từ quá khứ để phục vụ cho hiện tại
- D. Tìm hiểu lịch sử giúp con người có thể thấu tóm toàn bộ tri thức trong cuộc sống

Câu 4. Công trình kiến trúc tiêu biểu cho nền văn minh cổ đại Trung Quốc là:

- A. Đền Pác-tê-nông
- B. Đại bảo tháp San-chi
- C. Vườn treo Ba-bi-lon
- D. Vạn lí trường thành

Câu 5. Cơ quan nào ở thành bang A-ten có quyền thảo luận và biểu quyết những vấn đề hệ trọng của đất nước?

- A. Hội đồng 10 tướng lĩnh
- B. Đại hội nhân dân
- C. Tòa án 6000 thẩm phán
- D. Hội đồng 500 người

Câu 6. Hai dòng sông nào gắn liền với nền văn minh Trung Quốc cổ đại?

- A. Sông Ô-phrát và sông Ti-gơ
- B. Sông Hồng và sông Đà
- C. Hoàng Hà và Trường Giang
- D. Sông Ấn và sông Hằng

Câu 7. Những dấu vết đầu tiên của người tối cổ được phát hiện ở đâu?

- A. Di cốt tìm thấy ở Nam Phi
- B. Di cốt tìm thấy ở Gia-va (Indonexia)
- C. Di cốt tìm thấy ở Thái Lan
- D. Ở Tây Âu

Câu 8. Việc nhà nước Ai Cập, Luỡng Hà cổ đại hình thành ở lưu vực các con sông gây ra khó khăn gì cho cư dân ở đây?

- A. Tình trạng lũ lụt xả ra vào mùa mưa
- B. Sự tranh chấp lãnh thổ xả ra
- C. Tình trạng hạn hán kéo dài
- D. Sự chia cắt về mặt lãnh thổ

Câu 9. Hi Lạp có lợi thế lớn là đường bờ biển dài, có hàng ngàn đảo nhỏ thuận lợi cho sự phát triển của ngành kinh tế nào dưới đây?

- A. Nông nghiệp
- B. Thủ công nghiệp
- C. Công nghiệp
- D. Giao thương, buôn bán

Câu 10. Lịch sử được hiểu là tất cả những gì

A. đã xảy ra trong quá khứ

B. sẽ xảy ra trong tương lai

C. đang xảy ra ở hiện tại

D. đã và đang diễn ra trong đời sống

Phân môn Địa lí

Câu 11. Trái Đất được cấu tạo bởi mấy lớp?

A. 1

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 12. Nhân Trái Đất có nhiệt độ khoảng:

A. 1500°C - 3700°C

B. 5000°C

C. Tối đa 1000°C

D. 3000°C

Câu 13. Vỏ Trái Đất có độ dày khoảng:

A. 2900km

B. Từ 5 - 70km

C. 3400km

D. Trên 90km

Câu 14. Trên Trái Đất có tất cả bao nhiêu mảng kiến tạo lớn?

A. 9

B. 6

C. 8

D. 7

Câu 15. Dấu hiệu nhận biết nào sau đây **không** đúng trước khi núi lửa hoạt động?

A. Mặt đất rung nhẹ

B. Mặt đất nóng hơn

C. Có khí bốc lên ở miệng núi

D. Mực nước giếng thay đổi

Câu 16. Trái Đất được cấu tạo bởi các lớp nào sau đây?

A. Man-ti, vỏ Trái Đất và nhân trong

B. Nhân (lõi), nhân ngoài, vỏ Trái Đất

C. Vỏ Trái Đất, man-ti và nhân (lõi)

D. Vỏ lục địa, nhân (lõi) và man-ti

Câu 17. Dạng địa hình nào sau đây được hình thành do quá trình ngoại sinh?

A. Hang động xaxto

B. Các đỉnh núi cao

C. Núi lửa, động đất

D. Vực thẳm, hẻm vực

Câu 18. Quá trình nội sinh tạo ra hiện tượng nào sau đây:

A. Động đất, núi lửa

B. Sóng thần, xoáy nước

C. Lũ lụt, sạt lở đất

D. Phong hóa, xâm thực

Câu 19. Các dạng địa hình nào sau đây được hình thành do gió?

A. Hàm ếch sóng vỗ

B. Vách biển, vịnh biển

C. Bậc thềm sóng vỗ

D. Các cột đá, nấm đá

Câu 20. Cường độ động đất được tính bằng thang?

A. Rich - te

B. Beaufort

C. $^{\circ}\text{C}$

D. mm

Phần 2: Tự luận (5 điểm)

Phân môn Lịch sử

Câu 1 (1 điểm). Những điều kiện tự nhiên của Hi Lạp cổ đại đã tác động như thế nào đến nền kinh tế nơi đây?

Câu 2 (1 điểm). Em hãy trình bày điểm giống nhau về điều kiện tự nhiên của Hi Lạp và La Mã cổ đại.

Câu 3 (0.5 điểm). Năm 105 Trung Quốc đã phát minh ra giấy. Theo em, việc phát minh ra kĩ thuật làm giấy có vai trò gì đối với xã hội ngày nay?

Phân môn Địa lí

Câu 4 (0.5 điểm). Nếu đang ở trong lớp mà có động đất xảy ra, em sẽ làm gì để bảo vệ mình?

Câu 5 (1 điểm). Hãy nêu một số cách xác định phương hướng ngoài thực tế.

Câu 6 (1 điểm). Giải thích câu tục ngữ: “Đêm tháng 5 chưa nằm đã sáng
Ngày tháng 10 chưa cười đã tối”

ĐỀ SỐ: 3

Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Bài 1: Trắc nghiệm:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Thuyết minh B. Nghị luận C. Tự sự D. Biểu cảm

Câu 2: Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị?

- A. 2 giá trị B. 3 giá trị C. 4 giá trị D. 5 giá trị

Câu 3: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

- A. Cho bản thân B. Cho xã hội
C. Cho bản thân và xã hội D. Cho bản thân và gia đình

Câu 4: Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm?

- A. Đúng B. Sai

Câu 5: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. Nhân hóa. B. So sánh C. Ẩn dụ D. Hoán dụ

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

- A. Bàn về giá trị của sức khỏe. B. Bàn về giá trị của thời gian.
C. Bàn về giá trị của tri thức. D. Bàn về giá trị của sự sống.

Câu 7: Nêu tác dụng của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

- A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.
C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian
D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

- A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.
- C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.
- D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Bài 2: Tự luận:

Câu 1: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: *Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?*

Câu 2: Bài học em rút ra được từ văn bản trên là gì?

PHẦN II: VIẾT (4,0 điểm).

Trong cuộc sống, mỗi chúng ta ai cũng có những kỉ niệm sâu sắc của mình với người thân, với bạn bè hoặc thầy cô... Đó có thể là những kỉ niệm vui, buồn, thú vị hoặc xúc động... Em hãy viết bài văn kể lại một trong những kỉ niệm của bản thân mà em nhớ nhất.

-----Hết-----

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐO THỊ VIỆT HƯNG
Năm học 2023 - 2024

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I
MÔN TOÁN 6 – Đề 1
Thời gian: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm)

Viết vào bài chữ cái đứng trước câu trả lời **Đúng**.

Câu 1: Tập hợp A các số tự nhiên chẵn sao cho $3 < x \leq 10$ là:

A. $A = \{4; 6; 8; 10\}$.

B. $A = \{0; 2; 4; 6; 8; 10\}$.

C. $A = \{4; 6; 8\}$.

D. $A = \{2; 4; 6; 8; 10\}$.

Câu 2: Tất cả các chữ số thích hợp ở dấu * sao cho $\overline{135*} \leq 1352$ là:

A. 1; 2.

B. 0; 1.

C. 1.

D. 0; 1; 2.

Câu 3: Cho số $\overline{61x}$ chia hết cho 2 và 9, vậy x là:

A. 4.

B. 2.

C. 0.

D. 8.

Câu 4: Rút gọn phân số $\frac{40}{30}$ đến tối giản, ta được kết quả là:

A. $\frac{10}{9}$.

B. $\frac{4}{3}$.

C. $\frac{9}{10}$.

D. $\frac{3}{4}$.

Câu 5: Số đối của số 21 là

A. -12.

B. 12.

C. 21.

D. -21.

Câu 6: Cách sắp xếp các số 2023; 0; 3; -12; -4 theo thứ tự giảm dần là:

A. -4; -12; 0; 3; 2023.

B. -12; -4; 0; 3; 2023.

C. 2023; 3; 0; -4; -12.

D. -4; 3; 0; -12; 2023.

Câu 7: Tam giác đều có chu vi là 24cm thì cạnh của tam giác đều đó là:

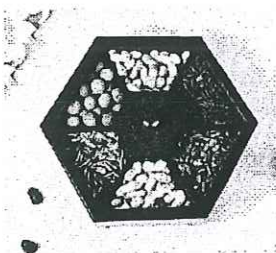
A. 96 cm

B. 8 cm

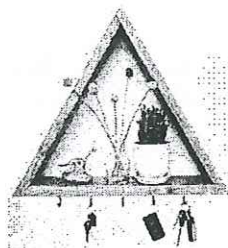
C. 8 cm^2

D. 96 cm^2

Câu 8: Hình nào dưới đây cho ta hình ảnh của lục giác đều ?



Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 4.

B. Hình 3.

C. Hình 2.

D. Hình 1.

Câu 9: Trong các hình sau, hình nào không có tất cả các cạnh bằng nhau ?

- A. Hình vuông. B. Hình thang cân. C. Tam giác đều. D. Lục giác đều.

Câu 10: Trong các hình sau, hình nào là hình có nhiều trục đối xứng nhất ?



a)



b)



c)



d)

- A. Hình a). B. Hình b). C. Hình c). D. Hình d).

Câu 11: Những hình nào sau đây có tâm đối xứng ?



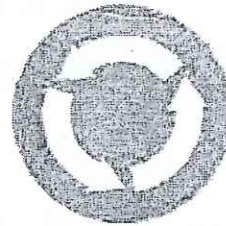
a)



b)



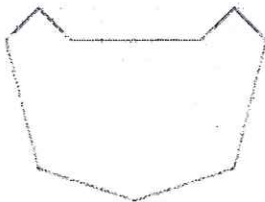
c)



d)

- A. Hình a) và hình c). B. Hình c) và hình d).
C. Hình a), hình c) và hình d). D. Hình a) và hình d).

Câu 12: Hình nào sau đây vừa có tâm đối xứng vừa có trục đối xứng ?



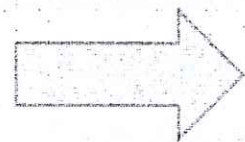
Hình a



Hình b



Hình c



Hình d

- A. Hình a. B. Hình b. C. Hình c. D. Hình d.

II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm). Tính hợp lý (nếu có thể):

a. $159 + (-256) + (-159)$.

c. $2^3 \cdot 56 - 6 \cdot 2^3$.

b. $2^2 \cdot 7 - [(8 - 5)^2 + 15] : 6$.

Bài 2. (1,5 điểm). Tìm số tự nhiên x, biết:

a. $x - 20 = -14$.

c. $(x + 5)^3 = 100 + 25$.

b. $200 : (18 - x) = 21 - 2023^0$.

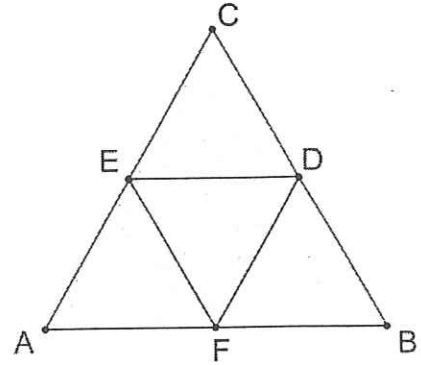
Bài 3. (1,5 điểm).

Một trường tổ chức cho học sinh đi dã ngoại. Biết rằng số học sinh đi dã ngoại của trường đó nếu xếp kín chỗ lên các xe có 30 chỗ ngồi, 40 chỗ ngồi và 45 chỗ ngồi đều vừa đủ không thừa học sinh nào. Tính số học sinh của trường đó đi dã ngoại, biết số học sinh đi dã ngoại trong khoảng từ 1000 đến 1100 học sinh.

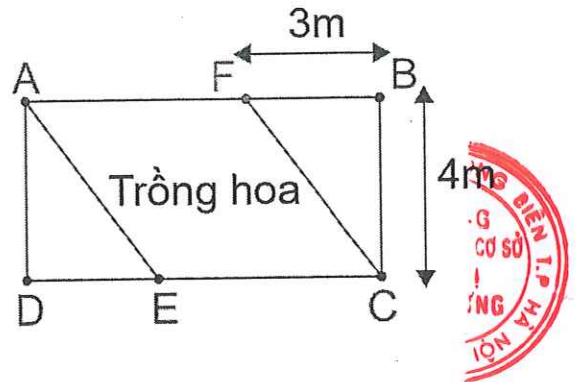
Bài 4 (1,5 điểm).

4.1 Ghép 4 miếng bìa hình tam giác đều có cạnh bằng nhau ta được hình tam giác đều ABC như hình bên. (học sinh không phải vẽ lại hình)

- Biết cạnh của tam giác đều AEF là 3cm. Hãy cho biết độ dài của đoạn thẳng AC, từ đó tính chu vi của tam giác đều ABC.
- Kể tên các hình thang cân có trong hình bên.



4.2 Bác Lan có một mảnh đất hình chữ nhật ABCD và bác trồng hoa trên phần đất hình thoi AFCE như hình vẽ. (học sinh không cần vẽ lại hình). Biết rằng chu vi của phần đất trồng hoa là 20m. Người ta cấy cọc đánh dấu trên mảnh đất hình chữ nhật ABCD, nếu cứ $2m^2$ cấy một cái cọc thì cần bao nhiêu cái cọc để cấy hết diện tích của mảnh đất hình chữ nhật ABCD?



Bài 5 (1 điểm).

- Cho $A = 3 + 3^2 + 3^3 + \dots + 3^{99}$. Tìm số tự nhiên n thỏa mãn: $6A + 3^2 = 3^n$
- Chứng tỏ rằng với mọi số tự nhiên n thì: $5n + 6$ và $6n + 7$ là 2 số nguyên tố cùng nhau.

---Chúc các con làm bài tốt---

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ĐO THỊ VIỆT HƯNG

Năm học: 2023-2024

(Đề thi có 4 trang)

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
LỚP 6 - MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

ĐỀ 611

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Chọn câu trả lời đúng nhất cho mỗi câu hỏi dưới đây rồi tô đáp án vào phiếu trả lời trắc nghiệm.

Câu 1. Dãy gồm các lương thực là

- A. Gạo, ngô, khoai, sắn. B. Gạo, thịt, khoai, cá.
C. Sắn, khoai, sữa, cá. D. Trứng, cá, thịt, sữa.

Câu 2. Thành phần chính của đá vôi là

- A. Sắt. B. Sodium carbonate.
C. Đồng. D. Calcium carbonate.

Câu 3. Vitamin nào thiếu gây khô mắt có thể dẫn đến mù lòa?

- A. Vitamin K. B. Vitamin C.
C. Vitamin D. D. Vitamin A.

Câu 4. Vật liệu nào sau đây có tính dẫn điện tốt?

- A. Thủy tinh. B. Cao su. C. Kim loại. D. Gốm.

Câu 5. Nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế là dựa trên hiện tượng nào?

- A. Dẫn nở vì nhiệt của chất khí. B. Dẫn nở vì nhiệt của các chất.
C. Dẫn nở vì nhiệt của chất lỏng. D. Dẫn nở vì nhiệt của chất rắn.

Câu 6. Ví dụ nào sau đây gồm các vật thể tự nhiên?

- A. Biển, nương, kênh, bể nước. B. Ao, hồ, sông, suối.
C. Đập nước, máng, đại dương, rạch. D. Hồ, thác, giếng, bể bơi.

Câu 7. Điền vào chỗ trống “...” trong câu sau đây để được phát biểu đúng:

“...” của thước là chiều dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước.

- A. Độ chia nhỏ nhất. B. Số lớn nhất.
C. Số bé nhất. D. Giới hạn đo.

Câu 8. Để đọc thể tích chất lỏng chính xác, ta cần đặt mắt như thế nào?

- A. Đặt mắt theo hướng nào cũng đọc chính xác.
B. Đặt mắt nhìn ngang với độ cao mức chất lỏng trong cốc.
C. Đặt mắt nhìn từ dưới lên.
D. Đặt mắt nhìn từ trên xuống.

Câu 9. Điền số thích hợp vào chỗ trống: $10^{\circ}\text{C} = \dots^{\circ}\text{F}$

- A. 30. B. 50. C. 60. D. 40.

Câu 10. Trọng tài cần sử dụng loại đồng hồ nào để đo thời gian chạy của các vận động viên trong cuộc thi chạy tiếp sức?

- A. Đồng hồ đeo tay. B. Đồng hồ để bàn.
C. Đồng hồ bấm giây điện tử. D. Đồng hồ điện tử.



Câu 22. Cho các hiện tượng sau đây

- (1) Sự gia tăng diện tích bề mặt của một chiếc lá.
- (2) Sự tăng dần kích thước của một củ su hào.
- (3) Sự tươi, héo của hoa và lá trên cây.
- (4) Sự tăng dần kích thước của một quả ổi.
- (5) Sự vươn cao của ngọn su su.

Có bao nhiêu hiện tượng thể hiện sự lớn lên và phân chia của tế bào?

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 23. Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta không dùng biện pháp nào sau đây?

- A. Xếp củi chồng lên nhau, càng sát nhau càng tốt.
- B. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.
- C. Phơi củi cho thật khô.
- D. Chẻ nhỏ củi.

Câu 24. Để sử dụng gas tiết kiệm, hiệu quả người ta cần điều chỉnh lượng gas như thế nào khi đun nấu?

- A. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.
- B. Không thay đổi trong suốt thời gian sử dụng.
- C. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.
- D. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.

Câu 25. Cho các bộ phận sau

- (1) Thành tế bào.
- (2) Màng tế bào.
- (3) Nhân.
- (4) Lục lạp.
- (5) Tế bào chất.

Có bao nhiêu bộ phận có ở cả tế bào thực vật và tế bào động vật?

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 2.

Câu 26. Nước giếng khoan thường lẫn nhiều tạp chất. Để tách bỏ tạp chất, người dân cho vào nước giếng khoan vào bể lọc, đáy bể lót các lớp cát mịn, sỏi và than củi. Nước chảy qua các lớp này sẽ trong hơn. Nhận định nào sau đây là **không** đúng?

- A. Lớp than củi có tác dụng hút các chất hữu cơ, vi khuẩn.
- B. Lớp sỏi làm cho nước có vị ngọt.
- C. Sau một thời gian sử dụng, ta phải thay rửa các lớp đáy bể lọc.
- D. Lớp cát mịn có tác dụng giữ các hạt đất, cát ở lại.

Câu 27. Khi một tế bào lớn lên và sinh sản ba lần liên tiếp sẽ có bao nhiêu tế bào mới được hình thành?

- A. 8. B. 2. C. 6. D. 4.

Câu 28. Khi đốt cháy 1 lít xăng, cần 1950 lít oxygen. Một ô tô khi chạy một quãng đường dài 100 km tiêu thụ hết 7 lít xăng. Coi oxygen chiếm $\frac{1}{5}$ thể tích không khí. Thể tích không khí cần cung cấp để ô tô chạy được quãng đường dài 100 km là:

- A. 68250 lít.
- B. 9750 lít.
- C. 13650 lít.
- D. 54600 lít.

PHẦN II. TƯ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Trình bày cấu tạo và chức năng các thành phần của tế bào.

Câu 2: (1,5 điểm):



a. Trình bày cách tách từng chất ra khỏi hỗn hợp muối và cát.

b. Để pha cà phê hòa tan nhanh hơn, em sẽ sử dụng nước nóng, nước ở nhiệt độ phòng hay nước lạnh. Vì sao?

----- HẾT -----

Chúc các con làm bài tốt!



I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (5 điểm)

Tô vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời em cho là đúng nhất!

Câu 1: “Nghiên cứu về dinh dưỡng và thực phẩm, tư vấn cho mọi người về lối sống lành mạnh trong ăn uống, giúp cơ thể khỏe mạnh và phát triển toàn diện” là công việc của

- A. Đầu bếp
B. Chuyên gia dinh dưỡng
C. Nội trợ
D. Bác sĩ

Câu 2: Nhóm thực phẩm nào dưới đây không thuộc các nhóm thực phẩm chính?

- A. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm
B. Nhóm thực phẩm giàu chất đường, bột
C. Nhóm thực phẩm giàu chất xơ
D. Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng và vitamin

Câu 3: Nguồn cung cấp vitamin gồm

- A. Rau muống, bí xanh, cà chua, susu
B. Mỡ lợn, mỡ gà
C. Đỗ xanh, đỗ tương
D. Thịt bò, thịt gà, cá

Câu 4: Chất béo có nhiều ở nhóm thực phẩm

- A. Mật ong, trái cây chín, rau xanh
B. Thịt nạc, cá, tôm, trứng
C. Mỡ động vật, mỡ thực vật, bơ
D. Hoa quả tươi, trứng gà, cá

Câu 5: Trong các nhóm đồ ăn/thức uống sau đây, nhóm nào cung cấp nhiều vitamin nhất cho cơ thể?

- A. Thịt, trứng, sữa
B. Dầu thực vật, nước ép hoa quả
C. Hoa quả tươi, trứng gà, cá
D. Rau, củ tươi, nước ép hoa quả

Câu 6: Tên các loại hạt thuộc nhóm ngũ cốc là?

- A. Kê, đậu, mạch nha, lúa nếp, lúa mì
B. Đỗ, đậu, vừng, mè, mạch nha
C. Kê, đậu, ngô, lúa nếp, lúa tẻ
D. Vừng, kê, ngô, đỗ, mạch nha

Câu 7: Để rèn luyện thói quen ăn khoa học, nội dung nào sau đây không đúng?

- A. Ăn đúng bữa
B. Uống đủ nước
C. Ăn đúng cách
D. Chỉ ăn những món mình thích

Câu 8: Điền từ còn thiếu vào chỗ “...”

“Thực phẩm rất đa dạng và phong phú, chúng là nguồn cung cấp các ... cho cơ thể, giúp con người phát triển cân đối và khỏe mạnh”.

- A. Chất đạm
B. Chất tinh bột, chất đường
C. Chất dinh dưỡng cần thiết
D. Chất khoáng và vitamin

Câu 9: Nguồn thực phẩm cung cấp chất sắt là?

- A. Thịt, cá, gan, trứng
B. Sữa, trứng, hải sản
C. Hải sản, rong biển
D. Ngũ cốc, cà chua

Câu 10: Vai trò của vitamin B là

- A. Kích thích ăn uống, góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh
B. Cùng với calcium giúp kích thích sự phát triển của xương
C. Tốt cho da, bảo vệ tế bào da
D. Giúp làm sáng mắt

Câu 11: Bảo quản thực phẩm có vai trò gì?

- A. Làm chậm quá trình thực phẩm bị hư hỏng.
B. Đảm bảo chất lượng và chất dinh dưỡng của thực phẩm trong thời gian dài.

C. Làm chậm quá trình thực phẩm bị hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng mà vẫn được đảm bảo chất lượng và chất dinh dưỡng của thực phẩm.

D. Ngăn chặn việc thực phẩm bị hư hỏng.

Câu 12: Chế biến thực phẩm có vai trò gì?

A. Xử lý thực phẩm để tạo ra các món ăn.

B. Xử lý thực phẩm để bảo quản thực phẩm.

C. Tạo ra các món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, đa dạng và hấp dẫn.

D. Xử lý thực phẩm để tạo ra món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, đa dạng và hấp dẫn.

Câu 13: Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?

A. Làm lạnh và đông lạnh.

B. Luộc và trộn hỗn hợp.

C. Làm chín thực phẩm.

D. Nướng và muối chua.

Câu 14: Nhóm phương pháp nào sau đây không phải là phương pháp chế biến thực phẩm?

A. Ướp và phơi.

B. Rang và nướng.

C. Xào và muối chua.

D. Rán và trộn dầu giấm.

Câu 15: Nêu quy trình chế biến món salad hoa quả?

A. Chế biến thực phẩm → Sơ chế món ăn → Trình bày món ăn

B. Sơ chế thực phẩm → Trình bày món ăn

C. Sơ chế thực phẩm → Trộn → Trình bày món ăn

D. Sơ chế thực phẩm → Lựa chọn thực phẩm → Chế biến món ăn

Câu 16: Nêu những biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm?

A. Rau, quả, thịt, cá... phải mua tươi hoặc ướp lạnh

B. Thực phẩm đóng hộp phải chú ý hạn sử dụng

C. Tránh để lẫn lộn thực phẩm sống với thực phẩm cần nấu chín

D. Tất cả các đáp án trên

Câu 17: Ý nào dưới đây không phải là vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm?

A. Làm tăng sự hấp dẫn, ngon miệng của món ăn

B. Đảm bảo chất dinh dưỡng của thực phẩm

C. Làm tăng khả năng tiêu hóa, hấp thu chất dinh dưỡng cho người sử dụng

D. Rút ngắn thời gian sử dụng thực phẩm

Câu 18: Phương pháp sử dụng nhiệt độ thấp để ngăn ngừa, làm chậm sự phát triển của vi khuẩn là phương pháp nào?

A. Làm lạnh và đông lạnh

B. Làm khô

C. Ướp

D. Đáp án A và B

Câu 19: Biện pháp nào sau đây có tác dụng phòng tránh nhiễm độc thực phẩm?

A. Không ăn những thức ăn nhiễm độc tố

B. Dùng thức ăn không có nguồn gốc rõ ràng

C. Sử dụng đồ hộp hết hạn sử dụng

D. Ăn khoai tây mọc mầm

Câu 20: Trong những biện pháp sau, biện pháp nào đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm?

A. Sử dụng chung thớt để chế biến thực phẩm sống và thực phẩm chín trong cùng một thời điểm.

B. Chỉ sử dụng thực phẩm đóng hộp có ghi rõ thông tin cơ sở sản xuất, thành phần dinh dưỡng, còn hạn sử dụng.

C. Để lẫn thực phẩm sống và thực phẩm chín với nhau.

D. Không che đậy thực phẩm sau khi nấu chín.

II. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (2đ): Tại sao phải bảo quản thực phẩm đúng cách?

Câu 2 (2đ): Nêu ưu điểm hạn chế phương pháp chế biến thực phẩm bằng phương pháp luộc, kho?

Câu 3 (1đ): Em hãy xây dựng thực đơn bữa ăn cho gia đình có đầy đủ nhóm chất dinh dưỡng?

-Chúc các em làm bài tốt-

Mã đề 001

I. TRẮC NGHIỆM: (5,0 điểm)

Em hãy chọn phương án đúng nhất trong mỗi câu sau:

Câu 1: Một mạng máy tính gồm:

- A. Tối thiểu năm máy tính được liên kết với nhau.
- B. Hai hoặc nhiều máy tính được kết nối với nhau.
- C. Một số máy tính bàn.
- D. Tất cả các máy tính trong một phòng hoặc trong một tòa nhà.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây là **sai**?

- A. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.
- B. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.
- C. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.
- D. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh, ...

Câu 3: Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.
- B. Máy tính và phần mềm mạng.
- C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- D. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.

Câu 4: Phát biểu **sai** là?

- A. Đường truyền dữ liệu có hai loại: nhìn thấy và không nhìn thấy.
- B. Đường truyền dữ liệu nhìn thấy sử dụng dây dẫn mạng.
- C. Kết nối không dây giúp người sử dụng có thể linh hoạt thay đổi vị trí mà vẫn duy trì kết nối mạng.
- D. Kết nối không dây chỉ dùng với thiết bị di động.

Câu 5: Trong các nhận định sau, nhận định nào **không phải** là lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính?

- A. Giảm chi phí khi dùng chung phần cứng.
- B. Người sử dụng có quyền kiểm soát độc quyền đối với dữ liệu và ứng dụng của riêng họ.
- C. Giảm chi phí khi dùng chung phần mềm.
- D. Cho phép chia sẻ dữ liệu, tăng hiệu quả sử dụng.

Câu 6: Phát biểu nào sau đây **không phải** là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu.
- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú.
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai.
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối.

Câu 7: Ý kiến nào sau đây là **sai**?

- A. Kho thông tin trên Internet là khổng lồ.
- B. Chúng ta có thể sử dụng bất kì thông tin nào trên Internet mà không cần xin phép.
- C. Internet cung cấp môi trường làm việc trực tuyến, giải trí từ xa.
- D. Người sử dụng có thể tìm kiếm, trao đổi thông tin trên Internet.

Câu 8: Cần làm thế nào để kết nối Internet?



- A. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được hỗ trợ cài đặt Internet.
- B. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet để được cấp quyền truy cập Internet.
- C. Người dùng đăng kí với một nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP) để được hỗ trợ cài đặt và cấp quyền truy cập Internet.
- D. Wi-Fi.

Câu 9: Thông tin trên Internet được tổ chức như thế nào?

- A. Tương tự như thông tin trong cuốn sách.
- B. Thành từng văn bản rời rạc.
- C. Thành các trang siêu văn bản kết nối với nhau bởi các liên kết.
- D. Một cách tùy ý.

Câu 10: Em hãy cho biết trong các thiết bị sau, thiết bị nào **không** là thiết bị mạng?

- A. Hub.
- B. Vĩ mạng.
- C. Webcam.
- D. Modem.

Câu 11: Phát biểu nào sau đây **không phải** là lợi ích của việc sử dụng Internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khoá học trực tuyến.
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 12: Mỗi website bắt buộc phải có:

- A. Tên cá nhân hoặc tổ chức sở hữu.
- B. Một địa chỉ truy cập.
- C. Địa chỉ trụ sở của đơn vị sở hữu.
- D. Địa chỉ thư điện tử.

Câu 13: Trong trang web, liên kết (hay siêu liên kết) là gì?

- A. Là một thành phần trong trang web trỏ đến vị trí khác trên cùng trang web đó hoặc trỏ đến một trang web khác.
- B. Là nội dung được thể hiện trên trình duyệt.
- C. Là địa chỉ của một trang web.
- D. Là địa chỉ thư điện tử.

Câu 14: Địa chỉ trang web nào sau đây là hợp lệ?

- A. <https://www.tienphong.vn>
- B. [www \ \ tienphong.vn](http://www.tienphong.vn)
- C. https://haiha002@gmail.com
- D. [https \ \: www. tienphong.vn](https://www.tienphong.vn)

Câu 15: World Wide Web là gì?

- A. Tên khác của Internet.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Một trò chơi máy tính.

Câu 16: Phần mềm giúp người sử dụng truy cập các trang web trên Internet gọi là gì?

- A. Website.
- B. Địa chỉ web.
- C. Trình duyệt web.
- D. Công cụ tìm kiếm.

Câu 17: Em hãy chọn việc mà em **không** thể làm với Internet trong những việc dưới đây?

- A. Học ngoại ngữ trực tuyến với người nước ngoài.
- B. Nghe nhạc, xem phim trực tuyến.
- C. Đi bơi để nâng cao sức khỏe.
- D. Tìm kiếm tài liệu học tập.

Câu 18: Trong các tên sau đây, tên nào **không phải** là tên của trình duyệt web?

A. Internet Explorer.

B. Mozilla Firefox.

C. Google Chrome.

D. Windows Explorer.

Câu 19: Nếu bạn đang xem một trang web và bạn muốn quay lại trang trước đó, bạn sẽ nhấp chuột vào nút nào trên trình duyệt?

A. ← .

B. → .

C. ↻ .

D. ★ .

Câu 20: Trang siêu văn bản là:

A. Trang văn bản thông thường không chứa liên kết.

B. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau và chứa các liên kết.

C. Trang văn bản đặc biệt tích hợp nhiều dạng dữ liệu khác nhau không chứa các liên kết.

D. Trang văn bản chỉ gồm dữ liệu dạng văn bản, hình ảnh, âm thanh.

II. Tự luận: (5,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm):

a. Hãy nêu các thành phần chính của mạng máy tính?

b. Cho ví dụ về một số thiết bị đầu cuối?

Bài 2 (2,0 điểm):

Hãy nêu một số ví dụ về lợi ích của Internet trong việc phục vụ học tập của học sinh?

(Tối thiểu 4 ví dụ)

Bài 3 (1,0 điểm):

Em hãy nêu các bước truy cập vào YouTube để xem hướng dẫn làm món nộm đu đủ.

Chúc các em làm bài tốt!



